TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28**/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tóa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh T

Nơi ở hiện nay: Thôn T1, xã M, huyện N, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đình T1, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh T

Nơi ở hiện nay: Dố nhà X, đường Đ, khu phố Đ1, phường T2, thị xã D, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện chị T nộp ngày 31/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2012 tại UBND. thị Nô, huyện N, tỉnh

T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Khoảng tháng 01 năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, kinh tế gia đình lại khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 02/2013 vợ chồng đưa con vào Nam làm ăn, quá trình chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, tình cảm không thể cải thiện được. Tháng 6/2013 vợ chồng chấm dứt quan hệ sinh lý. Tháng 7/2013 mâu thuẫn trầm trọng, chị đưa con về ngoại ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị không có thai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung Trần Thị Ngọc U, sinh ngày 06/10/2012 đang ở với chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyện vọng của chị xin được nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/4/2017 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống Quyết định ủy thác thu thấp chứng cứ; tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương bị đơn anh Trần Đình T1 trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn anh thống nhất như chị T đã trình bày. Thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh trình bày như sau: Sau khi kết hôn anh và chị T vào Bình Dương làm ăn. Cuối năm 2012 anh đưa chị về quê sinh con. Đầu năm 2013 mẹ anh T1 đưa 2 mẹ con chị T vào Bình Dương với anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cải nhau, cuộc sống ngày càng ăng thẳng nên cũng trong thời điểm đó chị T đưa con về ngoại sinh sống. Vợ chồng sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 7/2013 đến nay. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất như chị T đã trình bày và đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh Tuấn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh T1.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh T1; giao cháu U cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con 1.000.000 đồng/1 tháng đến khi con thành niên và khả năng lao động. Về án phí: Chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh T1 chiu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về tố tụng: Anh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

2. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị T và anh Trần Đình T1 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không tự dàn xếp được nên thường xuyên cải nhau. Tháng 7/2013 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị T đưa con về ngoại ở, không ai quan tâm đến ai. Hiện chị T không có thai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Toàn và anh T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhan là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Nay chị T xin ly hôn, về phía anh T1 cũng xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

3. Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung Trần Thị Ngọc U, sinh ngày 06/10/2012 đang ở với chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị T xin được nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ kể từ ngày 01/7/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Về phía anh T1 đồng ý giao con cho chị T nuôi và mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy yêu cầu của 2 bên là phù hợp nên chấp nhận.

4. Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu nên HĐXX không xét.

5. Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Trần Đình T1.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Thị Ngọc U, sinh ngày 06/10/2012. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ ngày 01/7/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Hai bên đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006352 ngày 04/4/2017, chấp nhận chị T nộp đủ. Anh T1 phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Toàn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS;
- UBND. thị trấn N;
- Lưu: HS vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình